

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 33



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi chung là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tài Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Minh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2015)
Ông Vũ Văn Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên
Ông Hồ Sĩ Thuận	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Minh	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2015)
Ông Vũ Văn Đức	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Anh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Duyên Hiếu
Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2016

Số: 499 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2016, từ trang 04 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 11 và số 17 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó trình bày sự thay đổi từ phân bổ chi phí thực tế phát sinh sang trích trước chi phí của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến việc ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được tiếp tục ghi nhận như trước đây, số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ tăng với số tiền là 10.978.611.643 đồng và số dư dự phòng phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm với số tiền là 14.224.138.247 đồng, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày sẽ giảm với số tiền là 25.202.749.890 đồng và lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm 2015 sẽ tăng với số tiền tương ứng.



Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 3 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Bùi Quốc Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2133-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		411.324.193.268	292.334.487.976
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	70.788.002.273	37.945.685.389
1. Tiền	111		59.288.002.273	26.445.685.389
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.500.000.000	11.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	210.000.000.000	175.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		210.000.000.000	175.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		112.211.912.913	57.157.470.903
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	101.477.226.570	52.399.444.191
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.213.317.609	53.847.940
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	9.521.368.734	5.268.504.243
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(564.325.471)
IV. Hàng tồn kho	140		15.601.357.368	19.615.619.969
1. Hàng tồn kho	141	9	15.601.357.368	19.615.619.969
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.722.920.714	2.615.711.715
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	2.716.200.784	2.606.265.594
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	6.719.930	9.446.121
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		255.744.639.308	315.462.249.513
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.632.450.635	1.632.450.635
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	1.632.450.635	1.632.450.635
II. Tài sản cố định	220		242.031.403.981	288.578.890.943
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	242.001.016.481	288.578.890.943
- Nguyên giá	222		552.459.591.660	552.158.238.478
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(310.458.575.179)	(263.579.347.535)
2. Tài sản cố định vô hình	227		30.387.500	-
- Nguyên giá	228		295.570.550	262.420.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(265.183.050)	(262.420.550)
III. Tài sản dài hạn khác	260		12.080.784.692	25.250.907.935
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	11.871.033.812	24.541.011.068
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		209.750.880	-
3. Lợi thế thương mại	269	12	-	709.896.867
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		667.068.832.576	607.796.737.489

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		219.653.426.704	178.024.726.266
I. Nợ ngắn hạn	310		162.924.994.347	83.075.726.266
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	88.836.891.782	52.277.908.847
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	5.154.304.684	2.405.417.234
3. Phải trả người lao động	314		12.856.780.294	5.813.175.517
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.823.682.191	4.351.203.319
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	1.655.822.378	1.493.841.930
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	37.883.263.156	14.966.000.000
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	13.279.442.734	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.434.807.128	1.768.179.419
II. Nợ dài hạn	330		56.728.432.357	94.949.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	55.783.736.844	94.949.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	17	944.695.513	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		447.415.405.872	429.772.011.223
I. Vốn chủ sở hữu	410		447.415.405.872	429.772.011.223
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	18	1.709.511.521	1.709.511.521
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	18.688.402.803	16.665.801.684
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	62.201.692.093	48.236.634.836
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		7.964.692.600	16.497.315.451
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		54.236.999.493	31.739.319.385
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	19	64.815.799.455	63.160.063.182
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		667.068.832.576	607.796.737.489


Phan Văn Long
Người lập biểu

Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởng


Nguyễn Duyên Hiều
Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.064.066.814.243	936.798.015.059
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		1.064.066.814.243	936.798.015.059
3. Giá vốn hàng bán	11	23	933.597.538.125	839.998.580.528
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		130.469.276.118	96.799.434.531
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	13.287.800.426	11.245.130.767
6. Chi phí tài chính	22	26	6.938.532.791	8.946.958.501
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.193.187.038	8.093.229.561
7. Chi phí bán hàng	25	27	3.004.718.156	532.891.017
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	48.825.920.745	42.015.913.141
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		84.987.904.852	56.548.802.639
10. Thu nhập khác	31		3.857.081.447	50.000
11. Chi phí khác	32		415.001.724	762.562.724
12. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		3.442.079.723	(762.512.724)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		88.429.984.575	55.786.289.915
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	21.921.914.416	12.521.906.735
15. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	(209.750.880)	130.237.193
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		66.717.821.039	43.134.145.987
Phân bổ cho:				
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		54.236.999.493	31.739.319.385
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		12.480.821.546	11.394.826.602
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.718	991


Phan Văn Long
Người lập biểu

Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởngNguyễn Duyên Hiểu
Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**MẪU B 03-DN/HN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015		2014	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	88.429.984.575		55.786.289.915	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao tài sản cố định	02	46.881.990.144		56.994.369.647	
- Các khoản dự phòng	03	13.659.812.776		(262.446.028)	
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.326.232.816		568.829.994	
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(13.217.841.571)		(10.980.124.515)	
- Chi phí lãi vay	06	5.193.187.038		8.093.229.561	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	142.273.365.778		110.200.148.574	
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(51.466.793.126)		26.658.614.505	
- Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	4.014.262.601		(4.540.330.237)	
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	42.610.612.002		(16.471.174.127)	
- Giảm chi phí trả trước	12	13.269.938.933		25.380.972.933	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.261.667.613)		(8.544.676.687)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(20.005.068.718)		(15.936.089.811)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	140.757.894		1.722.263.565	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.190.648.092)		(3.370.101.089)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	122.384.759.659		115.099.627.626	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(334.503.182)		(562.762.727)	
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(150.000.000.000)		(196.500.000.000)	
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	115.000.000.000		176.500.000.000	
4. Tiền thu lãi cho vay	27	9.885.244.349		10.234.861.329	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(25.449.258.833)		(10.327.901.398)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(17.923.100.000)		(72.312.150.000)	
2. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(46.170.083.942)		(43.688.970.034)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(64.093.183.942)		(116.001.120.034)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	32.842.316.884		(11.229.393.806)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	37.945.685.389		49.175.009.189	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-		70.006	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	70.788.002.273		37.945.685.389	


Phan Văn Long
Người lập biểu

Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởngNguyễn Duyên Hiểu
Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty mẹ:

Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là “Công ty mẹ”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008857 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 141 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 148 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ cho thuê tàu biển, kinh doanh vận tải biển; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; giáo dục nghề nghiệp; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan; bán buôn chuyên doanh khác.

Công ty con

Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt (gọi tắt là “Công ty con”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH Vận tải Nhật Việt theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0308515724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 9 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 118 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 122 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty con là dịch vụ vận tải và kinh doanh nhiên liệu, khí hóa lỏng.

Hoạt động chính của Công ty con là vận tải hàng hóa ven biển, vận tải hàng hóa viễn dương, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương, hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa; dịch vụ đại lý tàu biển; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ dầu mỏ hóa lỏng LPG tại thành phố Hồ Chí Minh); bán buôn hóa chất và bán buôn chuyên doanh khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tỷ lệ góp vốn thực tế và quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt là 51%.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tuy nhiên, việc áp dụng các thông tư này không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 5 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không năm hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	3
Thiết bị văn phòng	2 - 5
Phương tiện vận tải	5 - 12

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước

Các khoản trả trước bao gồm chi phí thuê văn phòng, bảo hiểm, chi phí vật tư xuất dùng cho tàu, chi phí sửa chữa tàu và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	181.904.114	212.936.292
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	59.106.098.159	26.232.749.097
Các khoản tương đương tiền	11.500.000.000	11.500.000.000
	70.788.002.273	37.945.685.389

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn ba tháng bằng Đồng Việt Nam tại ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng là từ 4,5% đến 4,8% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: từ 5,3% đến 6,4%).

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn	210.000.000.000	210.000.000.000	175.000.000.000	175.000.000.000

Tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ sáu tháng đến 01 năm tại các ngân hàng thương mại, với lãi suất hàng năm được hưởng từ 5,6% - 6,8% (ngày 31 tháng 12 năm 2014: Lãi suất hàng năm được hưởng từ 5,3% - 7,3%).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH Sellan Gas	74.607.207.632	27.997.459.837
Các khoản phải thu khách hàng khác	-	494.556.388
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn	19.585.133.217	19.589.662.698
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí - Chi nhánh Tổng	7.284.885.721	4.317.765.268
Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	101.477.226.570	52.399.444.191

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Thù lao Hội đồng Quản trị và ban kiểm soát	240.300.000	158.900.000
Phải thu người lao động	1.401.121.520	1.018.974.385
Lãi tiền gửi	6.513.013.889	3.180.416.667
Ký cược, ký quỹ	28.800.000	523.800.000
Phải thu khác	1.338.133.325	386.413.191
	9.521.368.734	5.268.504.243
b) Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ	1.632.450.635	1.632.450.635
	1.632.450.635	1.632.450.635

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.573.091.579	-	19.491.785.299	-
Công cụ, dụng cụ	28.265.789	-	123.834.670	-
	15.601.357.368	-	19.615.619.969	-

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	5.893.625.449	721.070.702	545.543.542.327	552.158.238.478
Tăng trong năm	-	301.353.182	-	301.353.182
Tại ngày 31/12/2015	5.893.625.449	1.022.423.884	545.543.542.327	552.459.591.660
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	(3.309.712.265)	(395.819.785)	(259.873.815.485)	(263.579.347.535)
Khấu hao trong năm	(1.088.953.315)	(189.641.843)	(45.600.632.486)	(46.879.227.644)
Tại ngày 31/12/2015	(4.398.665.580)	(585.461.628)	(305.474.447.971)	(310.458.575.179)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2015	1.494.959.869	436.962.256	240.069.094.356	242.001.016.481
Tại ngày 31/12/2014	2.583.913.184	325.250.917	285.669.726.842	288.578.890.943

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 lần lượt là 318.372.162.966 đồng và 213.496.898.150 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 318.372.162.966 đồng và 245.573.613.730 đồng) làm đảm bảo cho khoản vay được đồng tài trợ bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam và khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long.

Ngoài ra, Công ty cũng đã thế chấp phương tiện vận tải với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 lần lượt là 94.759.233.638 đồng và 8.530.431.422 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 94.759.233.638 đồng và 21.222.415.175 đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long để phát hành thư bảo lãnh thanh toán kinh doanh khí hóa lỏng. Thư bảo lãnh này có hiệu lực trong vòng 12 tháng từ ngày 07 tháng 01 năm 2015 và được gia hạn tới ngày 31 tháng 8 năm 2016.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 72.336.249.456 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 70.865.829.456 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm, công cụ và dụng cụ	2.716.200.784	2.606.265.594
	<u>2.716.200.784</u>	<u>2.606.265.594</u>
a) Dài hạn		
Chi phí vật tư xuất dùng và sửa chữa tàu	9.632.867.334	17.402.573.876
Chi phí thuê văn phòng	1.121.245.200	2.344.421.782
Chi phí thuê xe	928.888.889	1.660.555.555
Chi phí khác	188.032.389	3.133.459.855
	<u>11.871.033.812</u>	<u>24.541.011.068</u>

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi việc ghi nhận chi phí sửa chữa lớn định kỳ của tài sản cố định từ phân bổ chi phí thực tế phát sinh sang trích trước chi phí, theo đó, chi phí sửa chữa tàu được phân bổ hết vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Nếu Công ty thực hiện việc phân bổ chi phí sửa chữa lớn này giống như trước đây, số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ tăng và giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày sẽ giảm với số tiền là 10.978.611.643 đồng, theo đó, lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm 2015 sẽ tăng với số tiền tương ứng là 10.978.611.643 đồng.

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>Lợi thế thương mại</u>
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015 và 31/12/2015	3.549.487.173
HAO MÒN	
Tại ngày 01/01/2015	(2.839.590.306)
Phân bổ trong năm	(709.896.867)
Tại ngày 31/12/2015	<u>(3.549.487.173)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	-
Tại ngày 31/12/2014	<u>709.896.867</u>

339
NG
PH
I SÃ
QUỐ
P. HỒ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán				
Công ty Cổ phần Năng lượng Đất Việt	7.126.725.650	7.126.725.650	-	-
Công ty TNHH Vận tải biển và TM Phúc Hải Phong	-	-	10.406.796.020	10.406.796.020
Công ty TNHH Thương mại Quỳnh Anh	-	-	2.125.512.930	2.125.512.930
Phải trả cho các đối tượng khác	10.799.950.930	10.799.950.930	8.276.455.502	8.276.455.502
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	53.718.878.550	53.718.878.550	15.900.399.989	15.900.399.989
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	13.443.229.762	13.443.229.762	11.987.033.232	11.987.033.232
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	994.536.870	994.536.870	-	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	831.600.000	831.600.000	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	275.869.140	275.869.140	279.932.598	279.932.598
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.021.695.685	1.021.695.685	404.578.611	404.578.611
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	413.791.149	413.791.149	119.325.765	119.325.765
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	32.243.500	32.243.500	33.255.000	33.255.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	-	-	2.744.619.200	2.744.619.200
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	15.758.600	15.758.600	-	-
Các bên liên quan khác	162.611.946	162.611.946	-	-
	88.836.891.782	88.836.891.782	52.277.908.847	52.277.908.847

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	21/12/2015
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	9.446.121	664.523.318	(661.797.127)	6.719.930
	9.446.121	664.523.318	(661.797.127)	6.719.930
a) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	517.001.837	21.762.877.940	(21.164.929.526)	1.114.950.251
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.827.873.986	21.921.914.416	(20.005.068.718)	3.744.719.684
Thuế thu nhập cá nhân	60.541.411	1.248.158.253	(1.014.064.915)	294.634.749
	2.405.417.234	44.932.950.609	(42.184.063.159)	5.154.304.684

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	91.211.916	20.603.970
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.393.668.258	1.352.236.847
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
- Cổ đông khác	58.410.000	58.410.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	112.532.204	62.591.113
	1.655.822.378	1.493.841.930

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	31/12/2014		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	109.915.000.000	109.915.000.000	1.675.100.000	17.923.100.000	93.667.000.000	93.667.000.000

Chi tiết các khoản vay

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (*)	23.667.000.000	37.415.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long (**)	70.000.000.000	72.500.000.000
	93.667.000.000	109.915.000.000

(*) Thể hiện khoản vay dài hạn đồng tài trợ bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, hiện nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng là 5.384.512 Đô la Mỹ. Khoản vay này có thời hạn 7 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm là 5,5% trong sáu tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và bằng tổng bình quân lãi suất tiết kiệm bằng Đô la Mỹ của cá nhân năm hạn 12 tháng trả lãi sau của bốn ngân hàng tham khảo được quy định trong hợp đồng cộng 3%. Khoản vay được đảm bảo bằng phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay của Công ty (Tàu Sài Gòn Gas, xem Thuyết minh số 10).

(**) Thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long với tổng hạn mức vay là 130.000.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm là 6,75% từ ngày 30 tháng 8 năm 2013 đến ngày 30 tháng 11 năm 2013, sau đó chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm bằng lãi suất tiết kiệm Đồng Việt Nam năm hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 5,5% và được trả hàng tháng. Nợ gốc của khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 26 tháng 02 năm 2014 đến ngày 30 tháng 8 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay của Công ty (xem Thuyết minh số 10).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	37.883.263.156	14.966.000.000
Trong năm thứ hai	35.257.421.052	39.571.263.156
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	20.526.315.792	55.377.736.844
	93.667.000.000	109.915.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	37.883.263.156	14.966.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	55.783.736.844	94.949.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Dự phòng chi phí sửa chữa tàu định kỳ <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2015	-
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	14.224.138.247
Tại ngày 31/12/2015	<u>14.224.138.247</u>
	31/12/2015 <u>VND</u>
Chi tiết:	
- Nợ ngắn hạn	13.279.442.734
- Nợ dài hạn	944.695.513
	<u>14.224.138.247</u>

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 11 – Chi phí trả trước, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi việc ghi nhận chi phí sửa chữa lớn định kỳ của tài sản cố định từ phân bổ chi phí thực tế phát sinh sang trích trước chi phí. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc thay đổi này sẽ phù hợp hơn với dự toán và kế hoạch sửa chữa lớn tàu định kỳ và tạo ra đủ nguồn cho các kế hoạch sửa chữa này. Nếu Công ty thực hiện việc ghi nhận chi phí sửa chữa lớn này giống như trước đây, số dự phòng phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày sẽ giảm với số tiền là 14.224.138.247 đồng, theo đó, lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm 2015 sẽ tăng với số tiền tương ứng là 14.224.138.247 đồng.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	<u>30.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>	<u>30.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>
Cổ phiếu			<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng				
+ Cổ phần phổ thông			30.000.000	30.000.000
- Số lượng cổ phần đang lưu hành				
+ Cổ phần phổ thông			<u>30.000.000</u>	<u>30.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2014	300.000.000.000	1.709.511.521	13.970.892.088	58.512.599.648	374.193.003.257
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	31.739.319.385	31.739.319.385
Trích lập các quỹ	-	-	-	(2.694.909.596)	(2.694.909.596)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	2.694.909.596	-	-
Trích quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành	-	-	-	(2.694.909.596)	(2.694.909.596)
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(225.465.005)	(225.465.005)
Tại ngày 01/01/2015	300.000.000.000	1.709.511.521	16.665.801.684	48.236.634.836	366.611.948.041
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	54.236.999.493	54.236.999.493
Trích lập các quỹ (1)	-	-	-	(2.022.601.119)	(2.022.601.119)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1)	-	-	2.022.601.119	-	-
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách (1)	-	-	-	(2.022.601.117)	(2.022.601.117)
Chia cổ tức (2)	-	-	-	(226.740.000)	(226.740.000)
Tại ngày 31/12/2015	300.000.000.000	1.709.511.521	18.688.402.803	62.201.692.093	382.599.606.417

- (1) Đây là số trích lập các quỹ và thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2014 theo Nghị quyết số 25/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty mẹ và Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ-NVT ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty con.
- (2) Theo Nghị quyết số 25/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty mẹ, Công ty mẹ đã thông qua việc chia cổ tức cho cổ đông Công ty mẹ từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2014 với số tiền là 36.000.000.000 đồng.

Chi tiết các cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc năm kế toán như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	203.209.000.000	67,7	203.209.000.000	67,7
Cổ đông khác	96.791.000.000	32,3	96.791.000.000	32,3
	300.000.000.000	100,0	300.000.000.000	100,0

19. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty con - Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát cụ thể như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
Vốn góp của công ty con (VND)	100.000.000.000	100.000.000.000
Trong đó:		
- Vốn góp của Công ty mẹ (VND)	51.000.000.000	51.000.000.000
- Vốn góp của cổ đông không kiểm soát (VND)	49.000.000.000	49.000.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	49%	49%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát đối với giá trị tài sản thuần:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	49.000.000.000	49.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	3.334.977.909	2.765.236.580
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.480.821.546	11.394.826.602
	64.815.799.455	63.160.063.182

Công ty mẹ đã nhận cầm cố toàn bộ số cổ phần và toàn bộ lợi tức, lợi ích vật chất phát sinh từ hoặc liên quan đến số cổ phần này của ông Nguyễn Hồng Hiệp trong Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt với mệnh giá 47.000.000.000 đồng theo Hợp đồng cầm cố cổ phần số 01/HĐCC ngày 21 tháng 11 năm 2013 để bảo đảm thực hiện các hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt và các khách hàng được đảm bảo như được đề cập trong Hợp đồng cầm cố. Nghĩa vụ được đảm bảo bao gồm nhưng không giới hạn: tiền mua hàng, lãi chậm thanh toán, tiền phạt vi phạm hợp đồng, chi phí xử lý tài sản, các khoản chi phí khác và tiền bồi thường thiệt hại.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm:

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trong năm	25.471.064.380	23.254.748.167
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	12.480.821.546	11.394.826.602

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Ngoại tệ các loại:**

	31/12/2015	31/12/2014
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	178.434,78	932,68
- Euro (EUR)	213,00	223,61

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh hàng hóa và Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh hàng hóa - kinh doanh các mặt hàng khí hóa lỏng và xăng dầu.

Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải - kinh doanh vận tải khí hóa lỏng bằng tàu và các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải biển.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

31/12/2015	<u>Hàng hóa</u>	<u>Dịch vụ vận tải</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	27.997.459.837	634.500.238.166	662.497.698.003
Tài sản không phân bổ			4.571.134.573
Tổng tài sản hợp nhất			667.068.832.576
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	27.887.433.221	190.308.221.188	218.195.654.409
Nợ phải trả không phân bổ			1.457.772.295
Tổng nợ phải trả hợp nhất			219.653.426.704

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

2015	<u>Hàng hóa</u>	<u>Dịch vụ vận tải</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	445.371.225.523	618.695.588.720	1.064.066.814.243
Giá vốn	<u>(443.626.655.761)</u>	<u>(489.970.882.364)</u>	<u>(933.597.538.125)</u>
Lợi nhuận gộp	1.744.569.762	128.724.706.356	130.469.276.118
Chi phí bán hàng			(3.004.718.156)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			<u>(48.825.920.745)</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			78.638.637.217
Doanh thu hoạt động tài chính			13.287.800.426
Chi phí tài chính			(6.938.532.791)
Lợi nhuận khác			3.442.079.723
Lợi nhuận trước thuế			88.429.984.575
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			<u>(21.712.163.536)</u>
Lợi nhuận sau thuế trong năm			66.717.821.039
Thông tin khác			
Khấu hao		46.881.990.144	<u>46.881.990.144</u>

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

31/12/2014	<u>Hàng hóa</u>	<u>Dịch vụ vận tải</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	27.997.459.837	575.228.143.079	603.225.602.916
Tài sản không phân bổ			4.571.134.573
Tổng tài sản hợp nhất			607.796.737.489
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	27.887.433.221	148.679.520.750	176.566.953.971
Nợ phải trả không phân bổ			1.457.772.295
Tổng nợ phải trả hợp nhất			178.024.726.266

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

2014	Hàng hóa	Dịch vụ vận tải	Tổng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	376.493.946.480	560.304.068.579	936.798.015.059
Giá vốn	(375.608.332.589)	(464.390.247.939)	(839.998.580.528)
Lợi nhuận gộp	885.613.891	95.913.820.640	96.799.434.531
Chi phí bán hàng	(336.000.000)	(196.891.017)	(532.891.017)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(42.015.913.141)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			54.250.630.373
Doanh thu hoạt động tài chính			11.245.130.767
Chi phí tài chính			(8.946.958.501)
Lãi khác			(762.512.724)
Lợi nhuận trước thuế			55.786.289.915
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(12.652.143.928)
Lợi nhuận sau thuế trong năm			43.134.145.987
Thông tin khác			
Khấu hao		56.994.369.647	56.994.369.647

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải khí hóa lỏng và kinh doanh hàng hóa (xăng, dầu và khí hóa lỏng). Dịch vụ vận tải chủ yếu được thực hiện từ khu vực Nhà máy lọc dầu Dung Quất đến các tỉnh lân cận. Hoạt động kinh doanh hàng hóa chủ yếu được thực hiện ở Hà Nội và một số tỉnh phía Nam. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro và lợi ích kinh tế của các hoạt động này không có sự khác biệt đáng kể trong các khu vực nội địa. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	445.371.225.523	376.493.946.480
Doanh thu cung cấp dịch vụ	618.695.588.720	560.304.068.579
	1.064.066.814.243	936.798.015.059

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	443.626.655.761	375.608.332.589
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	489.970.882.364	464.390.247.939
	933.597.538.125	839.998.580.528

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	213.129.122.097	208.424.579.115
Chi phí nhân công	70.273.358.909	63.657.206.402
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.881.990.144	56.994.369.647
Chi phí dịch vụ mua ngoài	174.108.910.970	147.302.683.195
Chi phí khác bằng tiền	37.408.139.145	30.560.213.738
	541.801.521.265	506.939.052.097

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	13.217.841.571	10.980.124.515
Lãi chênh lệch tỷ giá	69.958.855	265.006.252
	13.287.800.426	11.245.130.767

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.193.187.038	8.093.229.561
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.745.345.753	853.314.103
Chi phí tài chính khác	-	414.837
	6.938.532.791	8.946.958.501

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí lương quản lý	22.615.460.053	17.890.712.355
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.024.206.852	17.268.972.450
- Chi phí tiếp khách	-	-
- Chi phí khác	4.186.253.840	6.856.228.336
	48.825.920.745	42.015.913.141
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.004.718.156	532.891.017
	3.004.718.156	532.891.017

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	21.921.914.416	12.332.033.872
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	189.872.863
	21.921.914.416	12.521.906.735

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	88.429.984.575	55.786.289.915
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(916.699.418)	(591.987.239)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	12.131.780.373	860.396.744
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 22%	99.645.065.530	56.054.699.420
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	189.872.863
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	21.921.914.416	12.521.906.735

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(209.750.880)	130.237.193
	(209.750.880)	130.237.193

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty như sau:

	2015	2014
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty (VND)	54.236.999.493	31.739.319.385
Trừ: trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.711.849.975)	(2.022.601.117)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	51.525.149.518	29.716.718.268
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.718	991

Quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được ước tính dựa trên tỷ lệ trích thực tế của năm 2014. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu dựa trên cơ sở nêu trên nhằm phục vụ so sánh thông tin giữa hai năm do Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Công ty loại trừ số lợi nhuận phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi theo quy định của Thông tư 200. Cụ thể như sau:

	Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu VND	Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền Cổ phiếu	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	31.739.319.385	30.000.000	1.058
Điều chỉnh ảnh hưởng của việc loại trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Thông tư 200	(2.022.601.117)	-	-
Số liệu trình bày lại	29.716.718.268	30.000.000	991

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	5.492.721.198	3.091.875.877

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	4.816.654.428	3.956.719.277
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	5.410.506.328	8.020.653.390
Sau năm năm	3.475.860.121	5.283.969.818
	13.703.020.877	17.261.342.485

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Công ty phải trả cho các hợp đồng sau: (1) Các hợp đồng thuê xe từ ngày 26 tháng 4 năm 2014 đến ngày 25 tháng 01 năm 2017 và thuê xe từ ngày 27 tháng 11 năm 2015 đến ngày 26 tháng 11 năm 2018; (2) Các hợp đồng thuê văn phòng từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016, thuê văn phòng từ ngày 01 tháng 12 năm 2017 đến ngày 30 tháng 9 năm 2023 và thu kho từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16, trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	93.667.000.000	109.915.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	70.788.002.273	37.945.685.389
Nợ thuần	22.878.997.727	71.969.314.611
Vốn chủ sở hữu	447.415.405.872	429.772.011.223
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,05	0,17

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.788.002.273	37.945.685.389
Phải thu khách hàng và phải thu khác	110.989.624.419	57.171.786.022
Dầu tư tài chính ngắn hạn	210.000.000.000	175.000.000.000
	391.777.626.692	270.117.471.411
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	93.667.000.000	109.915.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	90.401.502.244	53.688.555.694
Chi phí phải trả	1.823.682.191	4.351.203.319
	185.892.184.435	167.954.759.013

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định năm nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	3.990.358.181	517.908.236	23.897.675.192	38.785.994.808
Euro (EUR)	5.400.076	5.667.552	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Công ty phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 597.219.510 đồng (năm 2014: 1.148.042.597 đồng). Phân tích biến động rủi ro tỷ giá tương tự cho đồng Yên Nhật và đồng Euro không có ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của khoản vay của Công ty (xem Thuyết minh số 16) đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất thả nổi của khoản vay này tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 936.670.000 đồng (năm 2014: 1.099.150.000 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Giám đốc đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở tài sản và công nợ thuần.

31/12/2015

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.788.002.273	-	70.788.002.273
Phải thu khách hàng và phải thu khác	109.462.623.784	1.632.450.635	111.095.074.419
Đầu tư tài chính ngắn hạn	210.000.000.000	-	210.000.000.000
	390.250.626.057	1.632.450.635	391.883.076.692
Các khoản vay	37.883.263.156	55.783.736.844	93.667.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	90.401.502.244	-	90.401.502.244
Chi phí phải trả	1.823.682.191	-	1.823.682.191
	130.108.447.591	55.783.736.844	185.892.184.435
Chênh lệch thanh khoản thuần	260.142.178.466	(54.151.286.209)	205.990.892.257

31/12/2014

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.945.685.389	-	37.945.685.389
Phải thu khách hàng và phải thu khác	55.539.335.387	1.632.450.635	57.171.786.022
Đầu tư tài chính ngắn hạn	175.000.000.000	-	175.000.000.000
	268.485.020.776	1.632.450.635	270.117.471.411
Các khoản vay	14.966.000.000	94.949.000.000	109.915.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	53.688.555.694	-	53.688.555.694
Chi phí phải trả	4.351.203.319	-	4.351.203.319
	73.005.759.013	94.949.000.000	167.954.759.013
Chênh lệch thanh khoản thuần	195.479.261.763	(93.316.549.365)	102.162.712.398

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí
 Công ty Dịch vụ Quản lý Tàu - Chi nhánh Tổng
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí
 Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Chi nhánh của Công ty mẹ
 Công ty con
 Cùng chủ sở hữu
 (Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)
 Cùng chủ sở hữu
 (Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)
 Cùng chủ sở hữu
 (Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Bên liên quan (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cừu Long

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí - Chi nhánh Tổng
Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu

Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu
khí Nhơn Trạch

Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam

Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt
Nam - Công ty Cổ phần
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn
Dầu khí Việt Nam

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình

Công ty Cổ phần Vận tải dầu Phương Đông Việt

Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền
Đông

Công ty Chế biến khí Vũng Tàu - Chi nhánh Tổng

Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần

Mối quan hệ (Tiếp theo)

Cùng chủ sở hữu
(Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)

Cùng chủ sở hữu
(Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)
Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty
con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công
ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Công ty TNHH MTV Công
nghiệp Tàu thủy Dung Quất (Công ty con
của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng Công ty Công nghệ
Năng lượng Dầu khí Việt Nam (Công ty con
của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Công ty thuộc Tổng Công ty Công nghệ
Năng lượng Dầu khí Việt Nam (Công ty con
của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam
(Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam
(Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam
(Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam
(Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam
(Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam
(Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Cùng chủ sở hữu (Tổng Công ty Cổ phần Vận
tải Dầu khí)

Công ty thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam
(Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam
(Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam
(Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam
(Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Cho thuê tàu		
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí - Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	224.587.780.241	155.976.814.832
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn	319.758.234.747	313.957.217.759
Mua dịch vụ đại lý tàu và mua nhiên liệu		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	6.140.372.750	19.251.789.074
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	4.898.033.936	1.622.901.208
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	7.806.759.297	5.901.343.498
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	7.410.926.290	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	10.817.593.937	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	5.914.984.082	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	18.097.562.306	-
Công ty Cổ phần Vận tải dầu Phương Đông Việt	12.598.459.999	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	288.505.897.089	203.287.961.934
Công ty TNHH MTV Kiểm định kỹ thuật an toàn dầu khí Việt Nam	198.510.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	219.782.955	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	-	79.200.629.877
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí - Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	680.291.150	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	69.065.474.263	56.360.896.313
Công ty Chế biến khí Vũng Tàu - Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	140.612.451	54.019.011

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	2015	2014
	VND	VND
Thuê xe và mua nhiên liệu		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	132.889.490	38.854.175
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	602.748.918	1.097.715.034
Mua dịch vụ bảo hiểm		
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam	5.062.798.162	6.159.467.084
Công ty Bảo hiểm Dầu khí - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	365.925.850
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	4.686.315.545	4.121.757.041
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	-	249.783.059
Mua dịch vụ giám định và vật tư an toàn		
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	213.967.818	19.500.000
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	-	639.765.500
Chi phí sửa chữa tàu		
Công ty Dịch vụ Quản lý Tàu - Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	328.750.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	-	1.622.053.877
Mua sơn bảo dưỡng		
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	1.493.753.428	1.210.767.712
Mua dịch vụ cung ứng thuyền viên		
Công ty Dịch vụ Quản lý Tàu - Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	928.988.863
Cổ tức công bố và chi trả		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	36.000.000.000	24.385.080.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Lương	2.755.544.226	2.233.876.095
Tiền thưởng	292.225.000	144.000.000
	3.047.769.226	2.377.876.095

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Chi tiêu	Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC		Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC		Thay đổi	Đơn vị: VND
	Mã số	31/12/2014	Chi tiêu	Mã số		
I. Tài sản						
1. Các khoản tương đương tiền	112	10.000.000.000	1. Các khoản tương đương tiền	112	11.500.000.000	Phân loại lại
2. Đầu tư ngắn hạn	121	176.500.000.000	2. Chứng khoán kinh doanh	121	-	- Phân loại lại và đổi tên
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>			4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	175.000.000.000	Phân loại lại và đổi tên
1. Phải thu khách hàng	131	52.399.444.191	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	52.399.444.191	Đổi tên
2. Trả trước cho người bán	132	53.847.940	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	53.847.940	Đổi tên
3. Các khoản phải thu khác	135	3.725.729.858	3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.268.504.243	Phân loại lại và đổi tên
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	1.542.774.385	4. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	- Phân loại lại
5. Phải thu dài hạn khác	218	-	4. Phải thu dài hạn khác	216	1.632.450.635	Phân loại lại và đổi tên
6. Tài sản dài hạn khác	268	1.632.450.635	6. Tài sản dài hạn khác	268	-	- Phân loại lại
II. Nguồn vốn						
1. Phải trả người bán	312	52.277.908.847	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	52.277.908.847	Đổi tên
3. Chi phí phải trả	316	4.351.203.319	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.351.203.319	Đổi tên
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	1.493.841.930	5. Phải trả ngắn hạn khác	319	1.493.841.930	Đổi tên
6. Vay và nợ ngắn hạn	311	14.966.000.000	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14.966.000.000	Đổi tên
5. Vay và nợ dài hạn	334	94.949.000.000	6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	94.949.000.000	Đổi tên
9. Vốn cổ phần	411	300.000.000.000	8. Vốn góp của chủ sở hữu	411	300.000.000.000	Đổi tên
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	6.793.019.735	7. Quỹ đầu tư phát triển	418	16.665.801.684	Phân loại lại
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	9.872.781.949	<i>Trình bày vào chi tiêu "quỹ đầu tư phát triển"</i>	418	16.665.801.684	Phân loại lại
7. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	63.160.063.182	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	63.160.063.182	Đổi tên

Phan Văn Long
 Người lập biểu

Đỗ Đức Hùng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Duyên Hiếu
 Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2016

